

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2024/HSST

Ngày: 30/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Tuyến

Ông Nguyễn Quang Sức.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ, thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 195/2024/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **193/2024/QĐXXST-HS** ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ, đối với bị cáo:

Trần Thị Thu H, sinh năm 1989; Giới tính: Nữ; HKTT: Chung cư P, căn hộ số a tầng b, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã H, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn H và con bà Bùi Thị S; có chồng là: Triệu Quang N (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2022; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo tại ngoại áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/4/2024 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV (Công ty BV). Địa chỉ: khu phố H, phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Do ông Chen L, sinh năm 1978, địa chỉ: a, H, Kunshan, Jiangsu, China- Giám đốc đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ a, phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Tổ b, phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu P, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

(Đều vắng mặt).

*** Người phiên dịch:** Bà Vũ Thị T, sinh năm 1994; HKTT: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

*** Điều tra viên tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Ngọc C và ông Đặng Quốc T- Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Quế Võ. (Ông C có mặt, ông T vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh tiếp nhận kiến nghị khởi tố của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh đối với Công ty TNHH Thương mại Công nghệ mới BV (gọi tắt là Công ty BV); Mã số thuế: 2301109251; Địa chỉ: Khu phố H, phường P, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2301109251 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19/11/2019 có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế.

Ngày 08/04/2024, Trần Thị Thu H - sinh năm 1989, HKTT: Căn hộ số a, Chung cư P, phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Tạm trú tại: Xóm T, xã H, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đến Công an thị xã Quế Võ đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra đã xác định được hành vi trốn thuế của bị can H như sau:

Công ty BV được thành lập năm 2019 do anh Trần Hữu Đạt – sinh năm 1992, HKTT: Khu tập thể Công ty 4, khu Đồng Trầm, phường Vũ Ninh, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là Giám đốc với ngành nghề kinh doanh trong lĩnh vực buôn bán, thương mại các sản phẩm, chế phẩm tẩy rửa bề mặt và là người đại diện theo pháp luật. Đến ngày 26/12/2019 Công ty BV thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Chen L – sinh năm 1978, HKTT: 129 Hua Qiao, Kunshan, Jiangsu, China; Quốc tịch: Trung Quốc, số hộ chiếu: E24647435 cấp ngày 30/07/2013 và là chủ sở hữu 100% của công ty. Năm 2020 do tình hình dịch Covid 19 nên khó khăn trong việc đi từ Trung Quốc vào Việt Nam nên ông Chen L đã thuê Trần Thị Thu H làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật và điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty BV từ ngày 01/04/2020 đến ngày 09/11/2021. Khi đến kỳ báo cáo tài chính, hoạt động kinh doanh của năm 2020, H đã báo cáo ông Chen L về số tiền thuế phải nộp. Sau khi nghe báo cáo, ông Chen L (khi đó đang ở Trung Quốc) có phản ánh lại với H về số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải

nộp cao quá. Sau đó, H đã tự ý lấy thông tin của 08 người lao động không làm việc tại Công ty BV vào năm 2020 để lập các bảng chi trả lương không từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 làm giảm số tiền thuế TNDN phải nộp gồm:

1. Vũ Hồng Ph, sinh năm 1984, HKTT: Tổ a, C, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên, số CCCD/CMND: 090376169, tổng số tiền lương năm 2020 là 133.264.538 đồng.

2. Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984, HKTT: Tổ a, T, Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên, số CCCD/CMND: 091004747, tổng số tiền lương năm 2020 là 116.593.538 đồng.

3. Tô Thị U, sinh năm 1997, HKTT: N, Đ, Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên, số CCCD/CMND: 092001794, tổng số tiền lương năm 2020 là 122.965.000 đồng.

4. Trần Đức V, sinh năm 1987, HKTT: T, H, Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên, số CCCD/CMND: 091079130, tổng số tiền lương năm 2020 là 138.049.000 đồng.

5. Tạ Thị B, sinh năm 1984, HKTT: Đ, H, Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên, số CCCD/CMND: 090968337, tổng số tiền lương năm 2020 là 135.096.538 đồng.

6. Nguyễn Khắc C, sinh năm 1983, HKTT: Tổ a, C, Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên, số CCCD/CMND: 090997383, tổng số tiền lương năm 2020 là 123.355.000 đồng.

7. Nguyễn Thị H, sinh năm 1980, HKTT: K, L, Võ Nhai, Thái Nguyên, số CCCD/CMND: 091019923, tổng số tiền lương năm 2020 là 122.923.000 đồng.

8. Trần Thị Kim H2, sinh năm 1988, HKTT: T, H, Đồng Hỷ, Thái Nguyên, số CCCD/CMND: 091019797, tổng số tiền lương năm 2020 là 117.366.538 đồng.

Thông tin cụ thể của những người nêu trên được H lấy từ hệ thống khách hàng đã từng mua hàng của H từ thời điểm trước khi làm việc tại Công ty BV để lập chứng từ không chi phí trả lương cho 08 người lao động vào năm 2020 với tổng số tiền là **1.009.613.154 đồng** cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán là **Công ty TNHH Kế toán MV, địa chỉ: Số a, D, Tổ b cụm c, phường Y, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội** để kê khai trả lương vào năm 2020 nhằm hạch toán toàn bộ, tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế doanh nghiệp, làm giảm số tiền thuế TNDN phải nộp. Việc kê khai không đối với 08 người lao động nêu trên để hạch toán và chi phí của công ty do H tự ý thực hiện mà không báo cáo xin ý kiến của ông Chen L đến ngày 31/3/2021 Công ty BV đã thực hiện việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020.

Trên cơ sở Quyết định trưng cầu giám định số tiền thuế bị chiếm đoạt của cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ. Tại Kết luận giám định ngày 22/3/2024 của Cục thuế tỉnh Bắc Ninh kết luận:

“*Xác định hành vi trốn thuế

Căn cứ quy định nêu trên và nội dung trưng cầu giám định số 159/QĐ-CAQV ngày 31/01/2024 kèm theo tài liệu, Tờ khai quyết toán thuế TNDN của Cơ quan CSĐT Công an Thị xã Quế Võ cung cấp xác định: *Hành vi sử dụng*

chứng từ chi lương không, thực tế là không chi cho 08 người lao động nêu trên để hạch toán toàn bộ, tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV là hành vi trốn thuế.

Loại thuế trốn: **Thuế Thu nhập doanh nghiệp (Thuế TNDN).**

*** Xác định số tiền thuế trốn:**

Căn cứ quy định nêu trên và tài liệu điều tra, Tờ khai quyết toán thuế TNDN, Báo cáo tài chính của Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV do Cơ quan CSĐT Công an Thị xã Quế Võ cung cấp, xác định:

Về thuế TNDN:

Tổng số tiền chi lương không trong năm 2020 cho 08 người lao động nói trên với tổng số tiền là **1.009.613.154 đồng** (thực tế không chi trả) không được dùng làm căn cứ pháp lý để hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 dẫn đến thu nhập tính thuế TNDN năm 2020 tăng lên tương ứng là 1.009.613.154 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng thêm 201.922.631 đồng - $(1.009.613.154 * 20\%)$.

Căn cứ tài liệu do Cơ quan CSĐT Công an Thị xã Quế Võ cung cấp thì doanh thu của Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV năm 2020 dưới 200 tỷ đồng đáp ứng điều kiện được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 (theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội, Nghị Quyết về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác).

Do vậy số tiền Thuế TNDN còn phải nộp năm 2020 tăng thêm sau khi trừ số thuế TNDN được giảm 30% là: **141.345.842 đồng** $= [201.922.631 - (201.922.631 * 30\%)]$

Qua đó xác định:

*Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV có hành vi trốn thuế TNDN, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền **141.345.842 đồng (bằng chữ: Một trăm bốn mươi một triệu ba trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm bốn hai đồng)**”.*

Tiến hành xác minh đối với chị Nguyễn Thị H1, chị Tô Thị U, anh Trần Đức V, chị Tạ Thị B, anh Nguyễn Khắc C, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Hồng Ph và chị Trần Thị Kim H2 đều cho biết không làm việc tại Công ty BV, không nhận được bất cứ khoản tiền lương nào từ Công ty BV trong năm 2020.

*** Vật chứng thu giữ:**

Ngày 26/6/2024, chị Vũ Thị T, sinh năm 1994, HKTT: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là đại diện theo ủy quyền của Công ty BV và Trần Thị Thu H tự nguyện giao nộp tổng số tiền là 141.400.000 đồng vào

tài khoản kho bạc của cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ để khắc phục số tiền trốn thuế.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Quế Võ, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 142/CT-VKSQV ngày 08/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ truy tố Trần Thị Thu H về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên bị cáo cho rằng ông Chen L, bà Th, bà V cũng có trách nhiệm và có liên quan trong sự việc. Bị cáo trình bày do ông Chen L chỉ đạo bị cáo tìm cách để giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) nhưng ông Chen L cũng không chỉ đạo bị cáo phải lấy thông tin của 08 người lao động không làm việc tại công ty để kê không người lao động trong công ty để giảm thuế TNDN. Bị cáo cũng trình bày bà Th, bà V có bảo bị cáo lấy thông tin của 08 người lao động không làm việc tại công ty để kê không thông tin người lao động làm việc trong công ty để giảm thuế TNDN nhưng bị cáo không xuất trình, cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà Th, bà V xúi giục bị cáo. Đồng thời bị cáo cho rằng tại cơ quan điều tra, bị cáo đã bị điều tra viên hướng bị cáo nhận tội một mình, các bản tự khai, bản hỏi cung đều do bị cáo viết được đọc lại, ký tên nhưng do điều tra viên hướng cho bị cáo khai như vậy. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc điều tra viên định hướng cho bị cáo như lời bị cáo đã trình bày. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

Ông Phạm Ngọc C- Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Quế Võ có mặt tại phiên tòa trình bày: Quá trình điều tra, lấy lời khai của bị cáo đều đảm bảo tuân thủ đúng Bộ luật Tố tụng hình sự, điều tra viên không hề có hành vi, lời nói nào để hướng bị cáo phải khai như thế nào. Cơ quan điều tra đã triệu tập ông Chen L, bà Th, bà V tới làm việc tuy nhiên họ đều trình bày do H tự ý lấy thông tin của 8 người lao động để cung cấp cho bên Công ty kế toán MV làm báo cáo thuế, họ không biết được việc làm trên của H, họ không buộc phải biết việc trên và cũng không có chỉ đạo, xúi giục H thực hiện hành vi trên. Quá trình điều tra cũng không chứng minh được họ có chỉ đạo, xúi giục hoặc biết được H lấy thông tin của 08 người lao động để kê không lương nhằm mục đích trốn thuế TNDN. Tại cơ quan điều tra, quá trình lấy lời khai có ghi âm, ghi hình quá trình lấy lời khai của H, các biên bản hỏi cung H đều được đọc lại và ghi rõ đã được đọc lại và ký tên xác nhận đúng lời khai của mình. Bản thân H cũng tự viết đơn đầu thú, được tự viết các bản tự khai thừa nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận do H muốn lấy uy tín của ông Chen L nên đã tự ý lấy thông tin của 08

người lao động tự ý kê không lương cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán để làm kê khai Thuế. H cũng thừa nhận là ông Chen L, bà Th, bà V đều không biết việc trên, H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc trên. Do vậy việc bị cáo trình bày là do bị Điều tra viên hướng bị cáo nhận tội một mình là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của những người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ được và toàn bộ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng: điểm đ khoản 1 Điều 200; điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Thị Thu H từ 04 tháng đến 06 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Buộc bị cáo phải nộp số tiền trốn thuế là **141.345.842** đồng để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 141.400.000 đồng, do vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền 141.400.000 đồng (do bị cáo không yêu cầu nhận lại số tiền còn thừa).

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội không tham gia tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Quế Võ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Quế Võ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo cho rằng Điều tra viên đã hướng bị cáo nhận tội một mình, tuy nhiên bị cáo không xuất trình được chứng cứ chứng minh, quá trình điều tra bị cáo đều được đọc lại các lời khai và xác nhận đúng, đồng thời quá trình lấy lời khai đều được ghi âm, ghi hình đã được trình chiếu công khai tại phiên tòa và bị cáo thừa nhận đúng vì vậy việc bị cáo cho rằng Điều tra viên đã hướng bị cáo nhận tội một mình là không có cơ sở. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2020 đến ngày 09/11/2021, Trần Thị Thu H là Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH BV đã có hành vi sử dụng chứng từ chi lương khống 08 người lao động không làm việc tại công ty gồm: chị Nguyễn Thị H1, chị Tô Thị U, anh Trần Đức V, chị Tạ Thị B, anh Nguyễn Khắc C, chị Nguyễn Thị H, chị Vũ Hồng Ph và chị Trần Thị Kim H2 với tổng số tiền là **1.009.613.154 đồng** để hạch toán toàn bộ, tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 của Công ty TNHH BV đã được quyết toán vào ngày 31/3/2021 để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước số tiền **141.345.842 đồng**.

Lời nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người liên quan, người làm chứng, phù hợp vật chứng thu giữ được cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận Trần Thị Thu H phạm tội “Trốn thuế” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 200 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế của nhà nước, làm giảm thu ngân sách nhà nước, xâm hại đến đường lối phát triển kinh tế xã hội, chính sách thuế, gây mất trật tự xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo hành vi của mình mặc dù lời tại phiên tòa bị cáo trình bày mọi hoạt động của Công ty, bị cáo đều làm theo sự chỉ đạo của ông Chen L và cho rằng do Kế toán Công ty MV bảo bị cáo lấy thông tin của vài người lao động để kê khai, nhưng bị cáo vẫn thừa nhận hành vi của mình và nhận thức được là vi phạm pháp luật. Bị cáo cùng đại diện của Công ty đã tự nguyện giao nộp số tiền 141.400.000 đồng để khắc phục hậu quả. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tới cơ quan Công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong khi có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, bản thân bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi, do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng chế định của án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bản thân bị cáo một mình đang nuôi hai con nhỏ do vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đối với số tiền bị cáo đã trốn thuế là **141.345.842** đồng cần truy thu để sung quỹ Nhà nước. Xét thấy phía Công ty TNHH BV đã cùng bị cáo đến tự nguyện nộp tại Cơ quan điều tra số tiền 141.400.000 đồng để khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị cáo, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH BV cũng tự nguyện nộp khắc phục cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo hoàn trả, bị cáo cũng không yêu cầu nhận lại số tiền thừa là 54.158 đồng do vậy cần xác định bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 141.400.000 đồng nêu trên để khắc phục hậu quả. Do vậy cần sung công quỹ Nhà nước toàn bộ số tiền 141.400.000 đồng bị cáo đã tự nguyện nộp.

+ Đối với việc bị cáo cho rằng ông Chen L là người chủ sở hữu Công ty TNHH BV đã chỉ đạo bị cáo thực hiện việc kê khống người lao động làm việc trong Công ty nhằm mục đích trốn thuế TNDN, HĐXX thấy rằng:

Quá trình bị cáo tới cơ quan Công an để đầu thú cũng như trong quá trình điều tra, quá trình truy tố bị cáo đều thừa nhận ông Chen L không biết gì về việc trên, không chỉ đạo bị cáo làm như vậy và do một mình bị cáo làm. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông Chen L đã chỉ đạo việc kê khống người lao động hưởng lương trong Công ty để mục đích trốn thuế. Ông Chen L là chủ công ty Công ty BV đã thuê Trần Thị Thu H làm người đại diện theo pháp luật 01/4/2020 đến 09/11/2021. Quá trình điều tra xác định được ông Chen L không biết việc tự ý kê khai khống chứng từ chi trả lương cho 08 người lao động để được hạch toán khấu trừ thuế TNDN cho Công ty BV của H. Do vậy Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Quế Võ không xử lý là phù hợp.

+ Đối với việc bị cáo trình bày do chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981, HKTT: Tổ a, phường T, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và Nguyễn Thị V, sinh năm 1991, HKTT: Khu P, phường V, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là nhân viên của Công ty kế toán MV đã xúi giục bị cáo lấy thông tin của vài người lao động để kê khai khống chứng từ chi trả lương cho 08 người lao động để được hạch toán khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp; HĐXX thấy rằng:

Theo hợp đồng dịch vụ kế toán ký giữa Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV (Công ty BV) và Công ty TNHH kế toán MV thì: Phía Công ty MV nhận tư vấn và làm báo cáo thuế hàng quý, báo cáo tài chính, hoàn thiện sổ sách cho bên Công ty BV, phía Công ty BV phải tự chịu trách nhiệm trước các số liệu cung cấp cho bên Công ty MV, phía Công ty MV không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ do bên A cung cấp. Việc thực hiện nộp báo cáo trên hệ thống quản lý thuế là do đại diện pháp luật Công ty BV thực hiện, phía Công ty MV chỉ nhận hồ sơ các tài liệu, chứng từ để nhân viên Công ty MV tập hợp để thực hiện nghiệp vụ kế toán và biểu mẫu cần thiết và gửi lại Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV. Phía Công ty MV chỉ nhận số liệu chứng từ để làm các thủ tục về thuế, còn quá trình kinh doanh thì công ty Bluewind trực tiếp tự xuất hóa đơn và các hoạt động kinh doanh của công ty.

Chị Th, chị V không phải là kế toán làm việc trực tiếp tại Công ty BV mà chỉ làm việc dịch vụ kế toán với phía Công ty BV theo hợp đồng giữa hai bên. Hai bên làm việc với nhau qua điện thoại để nhận số liệu và làm dịch vụ kế toán nên chị Th, chị V không thể biết được có bao nhiêu lao động làm việc ở Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV, và không biết việc H sử dụng chứng từ trả lương không đối với 08 người lao động không làm việc tại Công ty TNHH thương mại công nghệ mới BV với mục đích trốn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tại phiên tòa, bị cáo H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc chị Th, chị V xúi giục H sử dụng thông tin của 08 người lao động để kê không lương nhằm mục đích trốn thuế cũng như không chứng minh được việc chị Th, chị V biết được việc H sử dụng thông tin của 08 người lao động không làm việc tại Công ty thương mại công nghệ mới BV để kê khai lương nhằm trốn thuế. Do vậy cơ quan CSĐT Công an thị xã Quế Võ không xử lý là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thu H phạm tội “Trốn thuế”.

- Áp dụng: Điểm đ khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Thị Thu H 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H cho UBND xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền **141.400.000** đồng do bị cáo H đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu số 0001594 ngày 13/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Quế Võ.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- Sở Tư pháp Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát, Công an thị xã Quế Võ;
- Chi cục THA thị xã Quế Võ;
- UBND xã Hóa Thượng, huyện Đông Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Xuân Nhân